

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-03-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lò Văn Vón và bà Lò Thị Dậu

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lương Thu H – Sinh năm 1985; Nơi đăng ký thường trú: Bản M 1, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu. Nơi tạm trú: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Điện Biên; Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Xuân H1 - Sinh năm 1977; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi tạm trú: tổ dân phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Lương Thu H trình bày:

Nguyên đơn chị Lương Thu H và bị đơn anh Nguyễn Xuân H1 chung sống với nhau từ năm 2016 do sự tự nguyện của hai bên, hai người đăng ký kết hôn ngày 19/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu .

Từ đầu năm 2019 hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, nguyên nhân chính là do anh H1 không cùng Nguyên đơn vun đắp hạnh phúc gia đình và hai người không có con chung với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn tìm thấy tiếng nói chung. Nhiều lần hai vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, động viên để cho cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng Bị đơn vẫn không thay đổi

tính cách, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng.

Cuối năm 2019 Nguyên đơn và Bị đơn đã sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân Nguyên đơn đã chuyển vào ở tại nhà công vụ của trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã B, còn Bị đơn sinh sống và ở tại cửa hàng sửa chữa điện tử tại tổ dân phố L, thị trấn T, huyện T. Nguyên đơn đề nghị TAND huyện T giải quyết được ly hôn với Bị đơn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn nhưng Bị đơn không ký nhận các văn bản của Tòa án, gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, yêu cầu giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc nhận văn bản của Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn; Về án phí đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữ chị Lương Thu H và anh Nguyễn Xuân H1 là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bị đơn không chăm lo cuộc sống chung của gia đình, một phần nguyên nhân do hai người không có con chung, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không hàn gắn được và hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, hiện chị H ở và làm việc trong xã B, huyện T, còn anh H1 ở và làm việc tại thị trấn T.

Hội đồng xét xử thấy, từ năm 2019 đến nay hai người sống ly thân, mỗi người

một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, quan hệ vợ chồng không còn; quá trình giải quyết tại Tòa án Bị đơn không hợp tác, không nhận các văn bản của Tòa án và không đến Tòa án lấy lời khai, tham gia hòa giải. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thu H và anh Nguyễn Xuân H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị Lương Thu H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung: Hai người không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án chưa xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Lương Thu H ly hôn với anh Nguyễn Xuân H1

2. Về án phí: chị Lương Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên lai số 0008528 ngày 07/11/2022. Chị Lương Thu H đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- UBND xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn